

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng
6 năm 2026



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS
Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 03 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
(Ba mươi lăm tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần
Mã chứng khoán: ATS
Sàn giao dịch: HNX

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco	Thôn Phù Long Ba, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2026
Văn phòng giao dịch - Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Tầng 4, toà nhà SHG số 8 đường Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Đang hoạt động
Địa điểm kinh doanh - Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Lô XN 03, 04, 13, 14, 15, 16 Khu công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Phòng	Đang hoạt động

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống, buôn bán thép các loại.

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Phúc Thiên Ân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	19/04/2024
Bà Trần Thị Thuý Hằng	Thành viên	19/04/2024
Ông Nguyễn Trương Quốc Cường	Thành viên độc lập	19/04/2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lâm Thị Thanh Huệ	Trưởng ban	19/04/2024
Bà Đào Thị Ngọc Bích	Thành viên	19/04/2024
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên	19/04/2024

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Tự Lực	Tổng Giám đốc	21/03/2025
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	23/02/2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên

Ông Trần Phúc Thiên Ân

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán và sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-ATS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS
Mã chứng khoán:	ATS
Loại cổ phiếu phát hành:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	36.000.000 cổ phiếu
Phương thức chào bán:	chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
Giá chào bán cổ phiếu:	10.000 VND/cổ phiếu
Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần TV-TM-DV
Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:	Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận
Thời gian dự kiến chào bán:	360.000.000.000 VND
	Năm 2025 – 2026

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thu tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG
Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2782-2024-009-1
 Người được ủy quyền
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2026

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4128-2022-009-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.420.034.574	16.811.694.927
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.614.801.120	55.378.627
Tiền	111		1.614.801.120	55.378.627
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.729.678.476	5.004.451.500
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	5.379.238.100	4.991.588.500
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	10.337.577.376	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	12.863.000	12.863.000
Hàng tồn kho	140	5.5	357.389.978	28.208.529
Hàng tồn kho	141		357.389.978	28.208.529
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		12.718.165.000	11.723.656.271
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6.1	38.335.500	2.520.000
Thuế GTGT được khấu trừ	162	5.11	12.679.829.500	11.721.136.271
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.103.744.279	33.106.920.137
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		65.217.204	76.394.898
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	65.217.204	76.394.898
Nguyên giá	222		213.124.969	213.124.969
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.907.765)	(136.730.071)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260	5.8	33.000.000.000	33.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		33.000.000.000	33.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	270		38.527.075	30.525.239
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6.2	38.527.075	30.525.239
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		63.523.778.853	49.918.615.064

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		19.045.220.121	5.736.248.189
Nợ ngắn hạn	310		19.045.220.121	5.736.248.189
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	6.359.668.858	5.080.073.090
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	11.944.517.348	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.11	61.059.465	142.885.299
Phải trả người lao động	315		624.974.448	472.289.800
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		55.000.002	41.000.000
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.12	44.478.558.732	44.182.366.875
Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.478.558.732	9.182.366.875
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		9.182.366.875	8.652.890.545
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		296.191.857	529.476.330
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.523.778.853	49.918.615.064

NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu

CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng



TRẦN PHÚC THIÊN AN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	32.164.542.074	21.758.522.250
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.164.542.074	21.758.522.250
Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.493.560.655	20.253.027.620
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.670.981.419	1.505.494.630
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	580.912	230.380
Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: chi phí đi vay	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	1.235.672.269	1.199.910.916
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		435.890.062	305.814.094
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	6.5	65.596.904	1.864.866
Lợi nhuận khác	40		(65.596.904)	(1.864.866)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		370.293.158	303.949.228
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	74.101.301	61.162.818
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		296.191.857	242.786.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	85	69


NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu


CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng


TRẦN PHÚC THIÊN AN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		370.293.158	303.949.228
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.7	11.177.694	11.177.694
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	6.3	(580.912)	(230.380)
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		380.889.940	314.896.542
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(11.683.920.205)	(29.201.756)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(329.181.449)	(575.657)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		13.402.705.930	(190.749.781)
(Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12		(43.817.336)	9.381.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.11	(167.835.299)	(155.405.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.558.841.581	(51.654.147)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		580.912	230.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		580.912	230.380
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		1.559.422.493	(51.423.767)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.1	55.378.627	962.442.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	1.614.801.120	911.018.643


 NGUYỄN THỊ HÀ
 Người lập biểu


 CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
 Kế toán trưởng


 TRẦN PHÚC THIÊN AN
 Người đại diện theo pháp luật
 Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 03 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
(Ba mươi lăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần

Mã chứng khoán: ATS

Sàn giao dịch: HNX

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị;
- Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ: dịch vụ nổ mìn);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; Đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản (không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo (không bao gồm hoạt động in và phát hành xuất bản phẩm, không bao gồm hoạt động báo chí và thu thập tin tức dưới mọi hình thức. Không thực hiện dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận));
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng (trừ đầu giá bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; và
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống, buôn bán thép các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco	Thôn Phù Long Ba, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2026
Văn phòng giao dịch - Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Tầng 4, tòa nhà SHG số 8 đường Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Đang hoạt động
Địa điểm kinh doanh - Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Lô XN 03, 04, 13, 14, 15, 16 Khu công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Phòng	Đang hoạt động

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "01/01/2026" và cột "Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số nhân viên của Công ty là 43 người (31/12/2025: 39 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và theo nguyên tắc giá gốc.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tình hình tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm:

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Các công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Doanh thu bán hàng hóa (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

4.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo Điều 11, Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng. Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 17% là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm trước liền kề.

4.14 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.15 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt – VND	1.586.854.981	44.320.454
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND		
• Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	26.322.933	-
• Các ngân hàng khác	1.623.206	11.058.173
	1.614.801.120	55.378.627

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	5.379.238.100	-	4.991.588.500	-
	5.379.238.100	-	4.991.588.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty cổ phần Đầu tư Nam Quân	6.598.000.000	-
Công ty TNHH VLXD Kiến Hoa (Long An)	2.442.290.400	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An	1.297.286.976	-
	10.337.577.376	-

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Đặt cọc thuê văn phòng	12.863.000	-	12.863.000	-
	12.863.000	-	12.863.000	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.734.649	-	28.208.529	-
Hàng hóa	318.655.329	-	-	-
	357.389.978	-	28.208.529	-

5.6 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, dài hạn**5.6.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí thuê văn phòng	37.705.500	-
Chi phí khác	630.000	2.520.000
	38.335.500	2.520.000

5.6.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	32.079.075	30.525.239
Chi phí khác	6.448.000	-
	38.527.075	30.525.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2026	213.124.969	213.124.969
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2026	213.124.969	213.124.969
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2026	136.730.071	136.730.071
Khấu hao trong kỳ	11.177.694	11.177.694
Tại ngày 30/06/2026	147.907.765	147.907.765
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	76.394.898	76.394.898
Tại ngày 30/06/2026	65.217.204	65.217.204
Trong đó:		
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng		
Tại ngày 01/01/2026	101.348.000	101.348.000
Tại ngày 30/06/2026	101.348.000	101.348.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại chiếm từ 10% trở lên trên tổng giá trị còn lại, bao gồm:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Máy tính xách tay	66.354.545	28.289.866	38.064.679
Máy tính Macbook Pro 13	45.422.424	18.269.899	27.152.525

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc VND	30/06/2026 Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2026 Giá trị dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Đầu tư -				
Quản lý Bất động sản CPG	33.000.000.000	-	33.000.000.000	-
	33.000.000.000	-	33.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Tình hình đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tại ngày 30/06/2026 Số cổ phần Công ty năm giữ	Tỷ lệ thực góp/VĐL %
Công ty cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất động sản CPG	Số 0315172796 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 29 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp	200.000.000.000 VND	3.300.000 cổ phần	16,50

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Thực phẩm Dũng Lan	3.162.457.442	320.028.282
Công ty TNHH QT Food	1.910.896.553	1.805.127.383
Các nhà cung cấp khác	1.286.314.863	2.954.917.425
	6.359.668.858	5.080.073.090

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	11.944.517.348	-
	11.944.517.348	-

5.11 Thuế*Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ*

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	12.679.829.500	11.721.136.271

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT 0%, 8% và 10%.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 Phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	30/06/2026 Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.835.299	74.101.301	(167.835.299)	39.101.301
Thuế thu nhập cá nhân	10.050.000	28.893.509	(16.985.345)	21.958.164
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	581.904	(581.904)	-
Cộng	142.885.299	103.576.714	(185.402.548)	61.059.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	370.293.158	303.949.228
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán trước thuế:		
Chi phí không được trừ	65.596.904	1.864.866
Tổng thu nhập chịu thuế	435.890.062	305.814.094
Thuế suất thuế TNDN	17%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	74.101.301	61.162.818

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Vốn chủ sở hữu**5.12.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	35.000.000.000	8.652.890.545	43.652.890.545
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2025	-	242.786.410	242.786.410
Tại ngày 30/06/2025	35.000.000.000	8.895.676.955	43.895.676.955
Lãi trong 6 tháng cuối năm 2025	-	286.689.920	286.689.920
Tại ngày 31/12/2025	35.000.000.000	9.182.366.875	44.182.366.875
Tại ngày 01/01/2026	35.000.000.000	9.182.366.875	44.182.366.875
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2026	-	296.191.857	296.191.857
Tại ngày 30/06/2026	35.000.000.000	9.478.558.732	44.478.558.732

5.12.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 03 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
(Ba mươi lăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần
Mã chứng khoán: ATS
Sàn giao dịch: HNX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của các cổ đông:

Cổ đông	30/06/2026		01/01/2026	
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Trương Nguyễn Hoàng Việt	698.060	19,94	698.060	19,94
Bà Trần Thị Thanh	347.700	9,93	347.700	9,93
Bà Nguyễn Thị Thúy	338.610	9,68	338.610	9,68
178 cổ đông khác	2.115.630	60,45	2.115.630	60,45
	3.500.000	100,00	3.500.000	100,00

5.12.3 Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

5.13 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ**5.13.1 Tài sản thuê ngoài**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	VND
Từ 1 năm trở xuống	75.411.000
	75.411.000

5.13.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Kiến trúc Greendotech	951.055.000	951.055.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
	2.685.972.300	2.685.972.300

Lý do xóa nợ: nợ không có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	29.540.211.700	21.758.522.250
Doanh thu bán hàng hóa	2.624.330.374	-
	32.164.542.074	21.758.522.250

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn cung cấp suất ăn	27.963.190.085	20.253.027.620
Giá vốn bán hàng hóa	2.530.370.570	-
	30.493.560.655	20.253.027.620

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	580.912	230.380
	580.912	230.380

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên	915.357.380	713.080.000
Phí thẩm định giá	-	190.000.000
Chi phí khác	320.314.889	296.830.916
	1.235.672.269	1.199.910.916

6.5 Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phạt thuế, vi phạm hành chính	65.581.904	1.864.866
Chi phí khác	15.000	-
	65.596.904	1.864.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

6.6 Lãi trên cổ phiếu**6.6.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	296.191.857	242.786.410
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	296.191.857	242.786.410
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	85	69

6.6.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

6.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá mua hàng hóa đã bán	2.530.370.570	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.978.191.485	18.028.249.220
Chi phí nhân công	3.900.355.980	2.937.858.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.177.694	11.177.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.418.051	395.156.009
Chi phí khác	100.719.144	80.497.213
	31.729.232.924	21.452.938.536

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2026			
Phải trả người bán	6.359.668.858	-	6.359.668.858
Phải trả khác và chi phí phải trả	55.000.002	-	55.000.002
	6.414.668.860	-	6.414.668.860
Tại ngày 01/01/2026			
Phải trả người bán	5.080.073.090	-	5.080.073.090
Phải trả khác và chi phí phải trả	41.000.000	-	41.000.000
	5.121.073.090	-	5.121.073.090

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.614.801.120	55.378.627	1.614.801.120	55.378.627
Đầu tư dài hạn	33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.379.238.100	4.991.588.500	5.379.238.100	4.991.588.500
Các khoản phải thu khác	12.863.000	12.863.000	12.863.000	12.863.000
Tổng cộng	40.006.902.220	38.059.830.127	40.006.902.220	38.059.830.127
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	6.359.668.858	5.080.073.090	6.359.668.858	5.080.073.090
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	55.000.002	41.000.000	55.000.002	41.000.000
Tổng cộng	6.414.668.860	5.121.073.090	6.414.668.860	5.121.073.090

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản bảo đảm

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 01 tháng 01 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS
Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Cung cấp suất ăn;
- Bán hàng hóa.

Thông tin kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp suất ăn		Bán hàng hóa		Tổng cộng	
	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	29.540.211.700	21.758.522.250	2.624.330.374	-	32.164.542.074	21.758.522.250
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp	1.577.021.615	1.505.494.630	93.959.804	-	1.670.981.419	1.505.494.630
Doanh thu hoạt động tài chính					580.912	230.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(1.235.672.269)	(1.199.910.916)
Lợi nhuận khác					(65.596.904)	(1.864.866)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(74.101.301)	(61.162.818)
Lợi nhuận sau thuế					296.191.857	242.786.410

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

-

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn

24.278.821

20.559.660

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn)

-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS
Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp suất ăn		Bán hàng hóa		Tổng cộng	
	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận						
Tài sản không phân bổ	5.417.972.749	5.019.797.029	10.656.232.705	-	16.074.205.454	5.019.797.029
Tổng tài sản					47.449.573.399	44.898.818.035
					63.523.778.853	49.918.615.064
Nợ phải trả của bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ	6.299.921.147	5.079.511.893	11.944.530.455	-	18.244.451.602	5.079.511.893
Tổng nợ phải trả					800.768.519	656.736.296
					19.045.220.121	5.736.248.189

Bộ phận theo khu vực địa lý: hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh. Vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc		
• Ông Phạm Anh Tuấn	276.000.000	242.400.000
	276.000.000	242.400.000

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty không có giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không có giao dịch và số dư với các bên liên quan khác.

9.2 Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán và sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-ATS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS
Mã chứng khoán:	ATS
Loại cổ phiếu phát hành:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	36.000.000 cổ phiếu
Phương thức chào bán:	chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
Giá chào bán cổ phiếu:	10.000 VND/cổ phiếu
Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần TV - TM - DV Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận
Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:	360.000.000.000 VND
Thời gian dự kiến chào bán:	Năm 2025 – 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán và sau ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu



CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026

